

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025 – 2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Luật số: 43/2019/QH14 – Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Bộ Chính trị “ Về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;
- Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2023 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông Dân tộc bán trú;
- Thông tư liên tịch số 42/2003/TTLT-BGDĐT -BLĐTBXH-BTC Quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật;
- Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;
- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 05 năm 2020 Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;
- Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ công chức, viên chức;
- Nghị định 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 3 năm 2026 quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em, nhà trẻ, học sinh học viên, ở vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.
- Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021;
- Nghị định 238/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.
- Quyết định số: 1008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em

Tiếng Việt cho trẻ em Mầm non, học sinh Tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng năm 2025”;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Thông tư liên tịch số 42/2013TTLT-BGDĐT-BL ĐTBXH-BTC, Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

Thông tư 32/2018 ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Thông tư số 28/2020TT-BGDĐT, ngày 4/9/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về ban hành điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 5 tháng 8 năm 2025 Về GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDPT năm học 2025-2026.

Căn cứ QĐ số 1812/QĐ của UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ hướng dẫn số 2616 ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTH năm học 2025-2026 của SGDĐT tỉnh Điện Biên.

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026 *(đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương tác động đến các hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học; đánh giá những thuận lợi, khó khăn và những yếu tố tác động từ đặc điểm địa phương đến việc tổ chức thực hiện chương trình cấp tiểu học; điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường)*

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

- Xã Xa Dung sau khi sáp nhập với xã Phì Nhừ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh Điện Biên đã trở thành một trong những xã vùng cao có diện tích rộng lớn và địa bàn đặc biệt khó khăn. Địa hình xã chủ yếu là đồi núi cao, chia cắt mạnh, nhiều bản nằm xa trung tâm, giao thông đi lại giữa các bản gặp nhiều trở ngại, đặc biệt vào mùa mưa. Hệ thống đường giao thông chủ yếu là đường đất, một số tuyến đường vẫn chưa được kiên cố hóa, ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp và duy trì sỹ số.

- Dân cư trên địa bàn xã sau sáp nhập khoảng 15.722 người, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số như dân tộc Mông chiếm đa số, tiếp theo là dân tộc Thái, Khơ Mú và một số hộ dân tộc Kinh. Trình độ dân trí còn thấp, phong tục tập quán còn nhiều ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi chăm lo học hành

cho con em. Đời sống kinh tế của nhân dân còn nhiều khó khăn, chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông - lâm nghiệp mang tính tự cung tự cấp. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo vẫn chiếm tỉ lệ cao trong tổng số hộ dân toàn xã.

- Tuy nhiên, trong những năm gần đây, với sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước, nhất là từ các chương trình mục tiêu quốc gia như xây dựng nông thôn mới, chương trình 135, 30a..., bộ mặt nông thôn vùng cao của xã đã dần có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống trường lớp được quy hoạch lại theo hướng tập trung, đồng thời từng bước được đầu tư xây dựng khang trang, từng bước đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học.

- Đặc biệt, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể ngày càng quan tâm sát sao đến công tác giáo dục, chú trọng công tác vận động học sinh ra lớp, duy trì học sinh trong độ tuổi đến trường và tạo điều kiện thuận lợi cho các em học tập, đặc biệt ở bậc Tiểu học. Ý thức phụ huynh về vai trò của giáo dục tuy còn hạn chế nhưng đã có chuyển biến tích cực. Đây chính là điều kiện thuận lợi để nhà trường triển khai tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học mới.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

- Học sinh của trường gồm có một dân tộc Mông, Học sinh người dân tộc Mông chiếm đến 100%.

- Các em học sinh đều ngoan ngoãn, lễ phép và tích cực tham gia vào các hoạt động hoạt tập cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

- Trong năm học 2025-2026 số học sinh của trường như sau:

Khối	Số lớp	Tổng số học sinh	Nữ	Học sinh dân tộc	Học sinh 2 buổi/ ngày	Học sinh khuyết tật	Bán trú	Tỷ lệ hs/lớp
1	2	55	29	55	55	0	36	27
2	3	73	36	73	73	0	41	24,3
3	3	73	40	73	73	0	42	24,6
4	3	81	34	81	81	3	48	27
5	3	88	38	88	88	3	58	29,3
Tổng	16	370	177	370	370	6	227	26,4

- Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp ở các khối lớp đạt 100%.

- Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Tổng số cán bộ, viên chức: 23 Đ/C Trong đó:

+ Cán bộ quản lý : 02 Đ/C. (trong đó Đại học 02)

+ Giáo viên có 20 Đ/C. (Trong đó Đại học 19, cao đẳng 01, trung cấp 0)

+ Nhân viên: 01 Đ/C. (Trong đó trung cấp 0)

Tỷ lệ nữ: $8/23 = 34,7\%$

Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,42 GV / lớp

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú.

+ Tổng số phòng học: 15 phòng trong đó 14 lớp XH và 1 phòng học tin

học.

- + Phòng chức năng: Đội, Tin học,)

- + Số bàn ghế GV 15 bộ và HS đúng quy cách: 184 cái bàn và 367 cái ghế học sinh.

- + Thư viện: 01 phòng tạm, 01 phòng nhưng diện tích không đảm bảo.

- + Số bộ đồ dùng đồng bộ: 10 bộ/14 lớp

- + Phòng ở nội trú cho học sinh: 06 phòng

- + Phòng ăn: 01 phòng

Nhìn chung về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường đã tương đối đảm bảo cho việc dạy và học. Nhà ăn và phòng ngủ của học sinh đã đáp ứng được việc ăn nghỉ cho học sinh bán trú.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025 - 2026

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học; lấy học sinh làm trung tâm của quá trình giáo dục, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của đội ngũ giáo viên. Tăng cường xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lấy giá trị nhân văn làm nền tảng, gắn giáo dục tri thức với giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và ý thức trách nhiệm cộng đồng.

- Trường PTDTBT Tiểu học Chua Ta là trường thuộc vùng đặc biệt khó khăn của xã, mục tiêu năm học 2025–2026 tập trung vào việc nâng cao chất lượng dạy và học thông qua việc khắc phục hạn chế trong năng lực tiếng Việt của học sinh dân tộc thiểu số, tăng cường các hoạt động bổ trợ, củng cố kiến thức nền tảng, rèn luyện kỹ năng sống, xây dựng thói quen học tập tích cực, nhằm tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục toàn diện như sau:

- + Huy động và duy trì sĩ số học sinh: đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi được huy động ra lớp, duy trì sĩ số thường xuyên đạt trên 97%; không để xảy ra tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng.

- + Chất lượng giáo dục đại trà: trên 95% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.

- + Đảm bảo 100% học sinh được đánh giá phẩm chất và năng lực theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, trong đó ít nhất 95% học sinh được đánh giá đạt yêu cầu trở lên.

- + Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có tố chất, tăng cường hoạt động trải nghiệm, phát triển năng lực cá nhân thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- + Tổ chức tốt dạy học 2 buổi/ngày, chú trọng nâng cao chất lượng môn tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội, đảm bảo thời lượng dạy học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

- + Đảm bảo 100% giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên và thực hiện đầy đủ các nội dung tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; ít nhất 100% giáo viên đạt loại khá trở lên trong đánh giá cuối năm.

+ Tổ chức hiệu quả công tác bán trú: đảm bảo các điều kiện ăn, ở, học tập và sinh hoạt an toàn, hợp vệ sinh, rèn kỹ năng tự phục vụ, tinh thần đoàn kết và kỷ luật cho học sinh bán trú.

+ Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực và chuẩn bị các điều kiện để hướng tới kiểm định chất lượng giáo dục mức độ cao hơn trong những năm tiếp theo.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Duy trì số lượng học sinh:

Duy trì số lượng học sinh của các lớp đạt từ 95 đến 100%

2.2. Chất lượng giáo dục:

2.2.1) Chỉ tiêu về phẩm chất năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học:

a) Chỉ tiêu về phẩm chất

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
Tổng số học sinh		55		73		73		81		88		370	
<i>HS Khuyết tật</i>		0		0		0		3		3		6	
<i>HS được đánh giá</i>		55		73		73		81		88		370	
Phẩm chất	MĐĐ	<i>TS</i>	<i>%</i>	<i>TS</i>	<i>%</i>	<i>TS</i>	<i>%</i>	<i>TS</i>	<i>%</i>	<i>TS</i>	<i>%</i>	<i>TS</i>	<i>%</i>
1. Yêu nước	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	87,2	64	87,6	66	87,6	72	88,9	79	89,7	328	88,6
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	87,2	64	87,6	66	87,6	72	88,9	79	89,7	328	88,6
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	87,2	64	87,6	66	87,6	72	88,9	79	89,7	328	88,6
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	87,2	64	87,6	66	87,6	72	88,9	79	89,7	328	88,6

	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	87,2	64	87,6	66	87,6	72	88,9	79	89,7	328	88,6
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

b) Chỉ tiêu về năng lực

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
Tổng số học sinh		55		73		73		81		88		370	
HS Khuyết tật		0		0		0		3		3		6	
HS được đánh giá		55		73		73		81		88		370	
Năng lực chung	MĐĐ	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
1. Tự chủ và tự học	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	89,0	64	87,7	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	89,0	64	87,7	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Giải quyết vấn	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3

đề và sáng tạo	Đạt	49	89,0	64	87,7	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năng lực đặc thù	MĐĐ												
1. Ngôn ngữ	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	89,0	64	87,7	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Tính toán	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	89,0	64	87,7	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Khoa học	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	89,0	64	87,7	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Thẩm mỹ	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	89,0	64	87,7	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Thể chất	Tốt	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	Đạt	49	89,0	64	87,7	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7

2. Toán	HTT	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	HT	49	89,0	64	87,7	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Ngoại ngữ 1	HTT	x	x	x	x	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	HT	x	x	x	x	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7
	CHT	x	x	x	x	0	0	0	0	0	0		
4. Ngoại ngữ 2	HTT	6	10,9	9	12,3	x	x	x	x	x	x		
	HT	49	89,0	64	87,7	x	x	x	x	x	x		
	CHT	0	0	0	0	x	x	x	x	x	x		
5. Đạo đức	HTT	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
	HT	49	89,0	64	87,7	64	87,7	72	88,9	79	89,8	328	88,7
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. TN&XH	HTT	6	10,9	9	12,3	9	12,3	X	x	x	x		
	HT	49	89,0	64	87,7	64	87,7	X	x	x	x		
	CHT	0	0	0	0	0	0	x	x	x	x	0	0
7. Lịch sử & Địa lý	HTT	x	x	x	x	x	x	11,1	9	10,2			
	HT	x	x	x	x	x	x	88,9	79	89,8			

		CHT	x	x	x	x	x	0	0	0	0	0		
8. Khoa học		HTT	x	x	x	x	x	9	9	11,2	9	10,3		
		HT	x	x	x	x	x	x	71	71	88,8	78	89,7	
		CHT	x	x	x	x	x	x	0	0	0	0	0	
Nghệ thuật	9. Âm nhạc	HTT	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
		HT	49	87,2	64	87,6	66	87,6	72	88,9	79	89,7	328	88,6
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	10. Mỹ Thuật	HTT	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
		HT	49	87,2	64	87,6	66	87,6	72	88,9	79	89,7	328	88,6
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11. GDTC		HTT	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
		HT	49	87,2	64	87,6	66	87,6	72	88,9	79	89,7	328	88,6
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12. HĐTN		HTT	6	10,9	9	12,3	9	12,3	9	11,1	9	10,2	42	11,3
		HT	49	87,2	64	87,6	66	87,6	72	88,9	79	89,7	328	88,6
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

13.Tin học	HTT	x	x	x	x	9	12	9	11,2	9	10,3	42	
	HT	x	x	x	x	66	88	71	88,8	78	89,7	326	
	CHT	x	x	x	x	0	0	0	0	0	0	0	
14. Công nghệ	HTT	x	x	x	x	9	12	9	11,2	9	10,3	42	
	HT	x	x	x	x	66	88	71	88,8	78	89,7	326	
	CHT	x	x	x	x	0	0	0	0	0	0	0	

(Các biểu trên có 13 học sinh khuyết tật không tham gia đánh giá)

*** Kết quả giáo dục cuối năm học các khối lớp:**

Khối lớp	TSHS Được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	55	2	3,6	4	7,2	49	89,0	0	0	
2	73	3	4,1	6	8,2	64	8,7,6	0	0	
3	73	3	4,1	6	8,2	64	8,7,6	0	0	
4	81	3	3,7	6	7,4	72	88,8	0	0	3.KT
5	88	3	3,4	6	6,8	79	89.7	0	0	3.KT
Tổng	370	14	3,7	28	7,5	328	88,6	0	0	6KT

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

- Hoàn thành chương trình lớp học: $370/370 = 100\%$

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: $88/88 = 100\%$

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học (Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học)

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (tham khảo Phụ lục 1.1 (Đính kèm))

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (tham khảo Phụ lục 1.2)

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Em yêu trường em	Giao lưu tìm hiểu về Tết trung thu.	- Tổ chức toàn trường	Từ 05-21/9	ĐTN, TPT	GVCN, CMHS, HS
Tháng 10	Mẹ và cô giáo	Học sinh viết, vẽ tranh thể hiện tình cảm đối với bà, mẹ, cô giáo.	- Tổ chức theo lớp, trao giải tập trung	Từ 16 - 20/10	GVMT, TP	GVCN, CMHS, HS
Tháng 11	Kính yêu thầy cô	Tìm kiếm tài năng Chào mừng ngày Nhà giáo VN 20/11 (Hội thi giai điệu tuổi mộng mơ).	- Sơ loại: Mỗi lớp lựa chọn tối đa 2 tiết mục tài năng tham gia. - Chung kết: Lựa chọn 15 tiết mục xuất sắc vào Chung kết	Sơ loại: 10-13/11; Chung kết: 19-20/11	TPT, GVCN	HS, CMHS

Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Tổ chức thi tìm hiểu về ngày 22/12 - Tham gia một số hoạt động do cấp trên tổ chức. (Nếu có)	- Toàn trường	Từ 10-20/12	- TPT, GVTC - TPT, Đoàn TN, GVCN	- GVCN, CMHS, HS
Tháng 1+ 2	- Vui tết dân tộc - Đón tết Nguyên đán	- Tổ chức chơi các trò chơi dân tộc. - Tổ chức gói bánh chưng, bày mâm ngũ quả.	- Toàn trường	Từ 03 – 31/01/2024	TPT Đội, GVCN, GVBM	- GVCN, CMHS, HS
Tháng 03	Mẹ và cô giáo	Tổ chức trò chơi dân gian chào mừng 8/3	- Tổ chức theo Khối lớp	- Từ 04-06 /3/2024	- TPT, GVCN các lớp 3,4,5 - CMT	- HS, CMHS khối 3,4,5 - GVCN, HS
Tháng 04	Truyền thống nhà trường	SH truyền thống. Ngày hội công nhận chuyên hiệu Đội viên.	Tập trung Liên Đội	Từ 20-22/04/2024	TPT Đội, GVCN, Đoàn TN	Đội viên
Tháng 05	Nhớ ơn	Tổ chức sinh hoạt giao lưu về ngày sinh của Bác hồ và ngày thành lập Đội	Tập trung Liên Đội	Từ 10-15/05/2024	TPT Đội, GVCN, Đoàn TN	Đội viên

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường(*trong trường hợp*

có học sinh bán trú) (tham khảo Phụ lục 1.3)

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian
1	Hoạt động đọc sách tại thư viện xanh.	Tập thể	Học sinh	Vào thứ 2, 4 trong tuần.
2	Vui chơi tự do của học sinh trong khuôn viên nhà trường	Tập thể	Học sinh	Vào thứ 3, 5 trong tuần.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

Trung tâm tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đã được các tổ khối xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường được thực hiện theo đúng kế hoạch giáo dục của nhà trường nhưng có sự điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế..

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Ngày tựu trường: Thứ năm ngày 29/08/2025 (Riêng lớp 1 tựu trường ngày 22/08/2024)

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025.

Học kỳ I: Từ ngày 08 / 09/2026 đến ngày 15 / 01 / 2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 16 / 01 / 2026 hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II ngày 24 / 05 / 2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày kết thúc năm học trước ngày 31/05/2026.

Tại trường PTDTBT Tiểu học Chua Ta thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

4.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(tham khảo Phụ lục 1.4) Đính kèm*

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2*(tham khảo Phụ lục 2) Đính kèm*

4.2. Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(tham khảo Phụ lục 1.4)*

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2*(tham khảo Phụ lục 2) Đính kèm*

4.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (tham khảo Phụ lục 1.4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (tham khảo Phụ lục 2) Đính kèm

4.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (tham khảo Phụ lục 1.4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (tham khảo Phụ lục 2) Đính kèm

4.5. Đối với khối lớp 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (tham khảo Phụ lục 1.4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (tham khảo Phụ lục 2) đính kèm

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng)

- Cung cố tu sửa CSVC, tham mưu với cấp trên đầu tư những hạng mục CSVC còn thiếu nhằm đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia mức độ 1: Sửa, làm mới hệ thống rãnh thoát nước và tường rào điểm trường trung tâm.

- Xin mua sắm, bổ sung các trang thiết bị dạy học còn thiếu nhằm đáp ứng nhu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Thiết bị dạy học khối 1: 2 bộ

+ Thiết bị dạy học khối 2: 3 bộ

+ Thiết bị dạy học khối 3: 3 bộ

+ Thiết bị dạy học khối 4: 3 bộ

+ Thiết bị dạy học khối 5: 3 bộ

2. Thực hiện công tác đội ngũ (số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, ...)

Tạo điều kiện để số cán bộ giáo viên chưa đạt chuẩn đi học thêm để nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học thông qua việc sinh hoạt chuyên môn và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức hội thảo cấp trường trao đổi kinh nghiệm bồi dưỡng, phụ đạo học sinh, rèn chữ viết cho học sinh.

- Bố trí sắp xếp tạo điều kiện để giáo viên tham quan học hỏi kinh nghiệm của

các trường điển hình.

- Chỉ đạo đội ngũ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh. Thực hiện dạy học phân hóa trong từng tiết học, đặc biệt là buổi học thứ 2 trong ngày.

- Mở các chuyên đề cấp tổ, cấp trường bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường.

- Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên kỹ năng ra đề kiểm tra theo ma trận, bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng đối với từng môn học.

- Động viên khích lệ học sinh phấn đấu vươn lên trong học tập và rèn luyện. Giáo dục học sinh ý thức tự học và hướng dẫn cho học sinh phương pháp tự học thông qua các kỹ năng: tự tìm kiếm thông tin, trao đổi ý kiến với bạn bè, thầy cô, hệ thống nội dung đã học bằng sơ đồ, bảng biểu...Khuyến khích các em mạnh dạn đề xuất các ý kiến, bày tỏ chính kiến của mình trong học tập.

4. Thực hiện duy trì số lượng, duy trì PCGDTH mức độ 3, XMC mức độ 2

- Tham mưu với Đảng ủy, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, trường các thôn bản trong việc huy động, duy trì sĩ số học sinh. Giao chỉ tiêu việc huy động, duy trì sĩ số học sinh cho từng giáo viên chủ nhiệm lấy đó làm tiêu chuẩn để bình xét thi đua.

- Khi thấy HS nghỉ học dài ngày hoặc có biểu hiện bỏ học phải kịp thời điều tra nguyên nhân, phối hợp với các lực lượng khác tìm biện pháp kịp thời đưa học sinh trở lại đi học.

- Củng cố và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo PCGD cấp xã. Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng nhóm thành viên phụ trách từng tiêu chuẩn để theo dõi đôn đốc duy trì các chỉ số về chuẩn PCGDTH mức độ 3, XMC mức độ 2.

5. Thực hiện nâng cao chất lượng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia

- Tiếp tục duy trì các tiêu chí về trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Động viên đội ngũ giáo viên không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ kiến thức, năng lực chuyên môn, tích cực vận dụng đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức tốt các hoạt động học tập phát huy tích cực, chủ động, sáng tạo trong học sinh, tăng cường bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng.

- Tham mưu với các cấp các ngành để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp đảm bảo tiêu chí của trường chuẩn quốc gia.

- Thường xuyên tự kiểm tra, rà soát lại các tiêu chí của trường chuẩn, kịp thời đưa ra những giải pháp thích hợp.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng – Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Phụ trách chung: Chủ tài khoản thứ nhất

- Phụ trách công tác tư tưởng, bảo vệ nội bộ chính trị trong cơ quan, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý cấp trên về các hoạt động giáo dục của đơn vị. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên, UBND xã Xa Dung về toàn bộ hoạt động của nhà trường.

- Quản lý và điều hành mọi hoạt động của nhà trường. Chuẩn bị nội dung, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của nhà trường (trừ các buổi sinh hoạt chuyên môn), tổ chức chỉ đạo triển khai các chủ trương của Đảng, Nhà nước và các cấp tới CBGV, NV, học sinh trong trường.

- Phụ trách các vấn đề xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch nhà trường, kế hoạch nhiệm vụ năm học.

- Trực tiếp quản lý, chỉ đạo công tác tài chính, tài sản; công tác nhân sự, phân công công tác, ký kết các hợp đồng trong phạm vi quyền hạn cho phép, tiếp nhận và điều động giáo viên theo quyết định. Chỉ đạo công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật; chỉ đạo thực hiện các chương trình dự án khác (nếu có).

- Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo chức năng. Trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của nhân viên văn phòng.

- Quản lý hồ sơ CB, GV, NV.

- Trực tiếp ký duyệt kế hoạch của các tổ chức đoàn thể, kế hoạch chuyên môn của nhà trường, kế hoạch chủ nhiệm, các văn bản gửi các cấp, các ngành và các văn bản khác liên quan đến hoạt động nhà trường.

- Giải quyết các vấn đề liên quan đến học sinh (Chuyển đi, chuyển đến, kỷ luật...).

- Xây dựng kế hoạch đề xuất cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Thực hiện các chế độ chính sách, quy chế dân chủ, công tác xã hội hóa giáo dục. Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường.

- Thực hiện xã hội hoá giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường với cộng đồng.

- Dạy 2 tiết định mức/tuần theo quy định.

2. Phó Hiệu trưởng – Nguyễn Thành Công

- Chịu trách nhiệm cá nhân về các lĩnh vực chuyên môn các tổ khối,

- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn, chỉ đạo công tác bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề, nâng cao chất lượng đội ngũ.

- Tham mưu cho Hiệu trưởng vấn đề xây dựng quy hoạch, kế hoạch, phân chia học sinh về các lớp.

- Phụ trách lao động tu sửa cơ sở vật chất.

- Trực tiếp chỉ đạo công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng học tập của học sinh. Chỉ đạo triển khai các phong trào, hoạt động của học sinh.

- Kiểm tra hoạt động sư phạm, hồ sơ chuyên môn của giáo viên, duyệt học bạ học sinh trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Thực hiện công tác theo dõi sĩ số học sinh hàng ngày, báo cáo cho Sở Giáo dục & Đào tạo.

- Tham gia đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên, tham gia bình xét học sinh thuộc đối tượng hưởng chính sách của nhà nước theo qui định.

- Thực hiện phân công dạy thay trong trường hợp các giáo viên đi công tác vắng và được hưởng các chế độ theo quy định. Dạy 4 tiết định mức/tuần

- Dự giờ, kiểm tra chất lượng học sinh hàng tháng, báo cáo với đồng chí Hiệu trưởng vào ngày 28 hàng tháng.

- Phụ trách điều hành về công tác thể dục vệ sinh, công tác bán trú, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, Thư viện-Thiết bị.

- Chỉ đạo triển khai kế hoạch Hoạt động ngoài giờ lên lớp, công tác phong trào, văn nghệ, thể thao, sinh hoạt các câu lạc bộ. Công tác Y tế học đường và các tổ chức đoàn thể.

- Chịu trách nhiệm hoàn thiện công tác Bồi dưỡng thường xuyên.

- Chịu trách nhiệm hoàn thiện các biểu mẫu báo cáo của các cấp yêu cầu về chuyên môn.

- Phụ trách công tác phổ cập giáo dục.

- Chịu trách nhiệm về công tác kiểm kê cơ sở vật chất và công tác thư viện, thiết bị của nhà trường.

- Thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động, giúp Hiệu trưởng giải quyết những công việc, ký duyệt các hoạt động của cán bộ, giáo viên và các văn bản gửi cấp trên thuộc lĩnh vực phụ trách khi được Hiệu trưởng uỷ quyền, hoặc khi Hiệu trưởng đi vắng.

- Phụ trách công tác kiểm tra nội bộ nhà trường.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

4. Tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với tất cả các khối lớp.

- Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

- Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

4. Tổng phụ trách đội

- Tham mưu cho hiệu trưởng các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ công tác Đội và phong trào thiếu nhi trong phạm vi nhà trường.

- Lập kế hoạch, tổ chức, quản lý các chương trình hoạt động cho đội viên, học sinh trong nhà trường theo kế hoạch của ngành Giáo dục, chương trình công

tác Đội và phong trào thiếu nhi của Hội đồng Đội các cấp.

- Xây dựng hệ thống tổ chức cơ sở Đội trong nhà trường theo nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; bồi dưỡng đội ngũ phụ trách chi đội, ban chỉ huy Đội các cấp.

- Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức các hoạt động Đội và phong trào thiếu nhi, hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

- Quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

- Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

- Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

- Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

- Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

- Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục

tiểu học ở địa phương.

- Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

7. Nhân viên.

7.1: Nhân viên kế toán:

- Phụ trách công tác kế toán của đơn vị theo đúng luật tài chính kế toán.
- Giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản và sử dụng ngân sách, tài chính, tài sản của nhà trường và các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công.

- Đảm nhiệm các thủ tục nâng lương. Giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho CBGVNV.

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường qua hệ thống hồ sơ, sổ sách; hàng tháng, hàng quý có quyết toán thu chi rõ ràng công khai trước hội đồng sư phạm.

- Lưu trữ, cập nhật, bảo quản sổ quản lý tài sản, tài chính của nhà trường.
- Làm công việc lưu trữ tổng hợp các hạng mục sửa chữa, thanh lý CSVC-thiết bị dạy học.

7.2: Nhân viên văn thư:

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng và điều phối con dấu bộ phận của trường học theo đúng sự phân công quy định. Đồng thời, lưu trữ, bảo quản và kiểm soát ra vào những văn bản giấy tờ là bản chính, bản sao đã được đóng dấu, chịu trách nhiệm hướng dẫn, xin chữ ký ban giám hiệu và những công việc liên quan đến con dấu.

- Vào sổ, đóng dấu những tài liệu nội bộ trường học
- Kiểm tra, tiếp nhận, xử lý, bảo quản, lưu trữ và báo cáo những tài liệu, hồ sơ, văn thư gửi đến, gửi đi trong trường học, báo cáo từng bộ phận liên quan để tránh tình trạng gián đoạn hay mất mát tài liệu.

- Soạn thảo văn bản hành chính liên quan.

- In ấn, phô tô tài liệu.

7.3: Nhân viên bảo vệ:

- Bảo vệ nhà trường đảm bảo tuyệt đối an toàn tài sản của nhà trường, tài sản của học sinh và tài sản của CBGVNV.

- Giữ trật tự an ninh trong nhà trường.

- Đảm bảo an ninh an toàn cơ sở vật chất nhà trường 24/24, không để khách, học sinh ra vào tự do, đi lại tự do trong trường; đặc biệt khi đang trong giờ làm việc.

- Ngăn ngừa và đề phòng người lạ mặt vào cơ quan trường học.

- Cùng thực hiện những nhiệm vụ khác khi được hiệu trưởng giao.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 của Trường PTDTBT Tiểu học Chua Ta. Kế hoạch được thông qua tại Hội nghị công chức, viên chức, người lao động đầu năm học. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên trường nghiêm túc thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để BC)
- Đảng ủy, HĐND.
- Phòng VHXX xã.
- Tổ trưởng chuyên môn; GV(t/h)
- Lưu: hồ sơ, VT./;

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Hạnh